TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; nơi ĐKHKTT: Xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C; nơi cư trú: Xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 5 năm 2010. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh C ở Xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chịu tu chí làm ăn, mà ham mê chơi bời, cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị đã góp ý, nhưng anh C không tiếp thu sửa chữa mà còn

nhiều lần đánh chửi chị. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên tìm nhiều giải pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hiện tại chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở xã H1. Từ khi chị bỏ về đến nay, anh C có đến tìm nhưng chỉ đến gây sự với gia đình chị mà không có mục đích đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C có hai con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2011 và Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2017. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc M1 cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Ngọc M cho anh C nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Lê Thị H theo như chị H đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình chị H cũng gây áp lực cho anh và chị H, vì vậy, hai bên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Do mâu thuẫn nên hiện tại chị H đã bỏ về cư trú cùng bố mẹ đẻ chị H ở xã H1. Từ khi chị H bỏ đi đến nay, anh và gia đình đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng không có kết quả, chị H không đồng ý quay về đoàn tụ vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng còn ràng buộc bởi con chung.

Về con chung: Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H; giao con Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2017 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn C hiện đang cư trú tại xóm 5, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, chị Lê Thị H vắng mặt, có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C.

- Về nội dung:

[3] Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 5 năm 2010, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Văn C. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh C cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh C không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C có hai con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2011 và Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2017. Xét thấy, hiện tại chị H là công nhân, còn anh C tuy là lao động tự do nhưng anh C có thể lao động để có thu nhập nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Nên giao cho chị H và anh C mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý. Con chung Nguyễn Ngọc M1 còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cho chị H nuôi dưỡng; giao cho anh C nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc M.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn C không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2011 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Ngọc M1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2017 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 4452 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, nên chị H không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã L, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Lợi	**Đỗ Văn Thư**	**Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Lê Lợi, huyện An Dương, HP;
- Đương sự; Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế